

5. Thăm bệnh.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn bảo Đại sĩ Văn-thù:

–Đại sĩ hãy đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma.

Đại sĩ Văn-thù thưa với Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bậc Thượng nhân ấy khó mà đối đáp. Vì Thượng nhân ấy thấu suốt thật tướng một cách sâu xa, diễn nói pháp yếu một cách khéo léo, hùng biện luôn thông suốt, trí tuệ không bị cản trở, biết hết mọi thể thức đúng pháp của Bồ-tát, vào hết mọi kho tàng bí yếu của Phật-đà, chiến thắng các loại quân ma, du hành các pháp thần thông, trí tuệ phương tiện đều đã hoàn hảo. Tuy nhiên, con xin vâng theo Thánh ý của Đức Thế Tôn, đến thăm bệnh bậc Thượng nhân ấy. Thế là các vị Bồ-tát, các đại đệ tử của Phật, Đế Thích, Phạm vương, bốn Thiên vương..., cùng nghĩ nay hai vị Đại sĩ Văn-thù và Duy-ma đàm luận với nhau thì chắc chắn nói về diệu pháp. Tức thì tám ngàn Bồ-tát, năm trăm Thanh văn, một trăm ngàn trời, người, đều cùng đi theo.

Đại sĩ Văn-thù, với sự cung kính bao quanh của các vị Bồ-tát, các vị đại đệ tử của Phật và các thiên nhân, đi vào thành Tỳ-da-ly. Trưởng giả Duy-ma nghĩ: “Đại sĩ Văn-thù cùng đại chúng sẽ đến đây.” Trưởng giả liền dùng thần lực làm cho phòng mình trống không, không để vật gì, cũng không có người hầu, chỉ để lại một cái giường mà nằm với bệnh tật. Đại sĩ Văn-thù vào nhà Trưởng giả Duy-ma, thấy phòng trưởng giả không có gì hết, chỉ độc một cái giường nằm. Trưởng giả Duy-ma nói:

–Đại sĩ đến tốt quá, Đại sĩ Văn-thù. Ấy là Đại sĩ không đến mà đến, không thấy mà thấy đó.

Đại sĩ Văn-thù nói:

–Đúng như vậy, Trưởng giả Duy-ma. Nếu đến rồi thì không đến nữa, nếu đi rồi thì không đi nữa, bởi vì đến thì không từ đâu đến, đi thì cũng không đi đến đâu và thấy được thì không còn thấy nữa. Nhưng hãy gác việc ấy lại. Trưởng giả Duy-ma, bệnh trưởng giả chịu nổi không? Chữa trị có bớt mà không thêm không? Đức Thế Tôn ân cần hỏi thăm nhiều lắm. Trưởng giả Duy-ma, bệnh trưởng giả do đâu và đã bao lâu rồi? Làm sao mà hết được?

Trưởng giả Duy-ma thưa:

–Từ si mà có ái, nên bệnh tôi sinh ra. Chúng sinh bệnh nên tôi bệnh. Chúng sinh bệnh hết thì bệnh tôi cũng hết. Tại sao, do Bồ-tát vì chúng sinh mà vào sinh tử, có sinh tử là có bệnh. Nếu chúng sinh hết bệnh thì Bồ-tát không còn bệnh nữa. Như vị trưởng giả chỉ có đứa con một, đứa con bệnh thì cha mẹ bệnh theo, đứa con lành thì cha mẹ cũng lành. Bồ-tát cũng vậy. Thương chúng sinh như con, nên chúng sinh bệnh thì Bồ-tát bệnh, chúng sinh lành Bồ-tát mới lành. Đại sĩ hỏi bệnh tôi do đâu, thì thưa Đại sĩ, bệnh Bồ-tát là do đại Bi mà có.

Đại sĩ Văn-thù hỏi:

–Trưởng giả, phòng này tại sao trống không, không cả người hầu?

Trưởng giả Duy-ma nói:

–Thế giới của Phật cũng không, giống như vậy.

Hỏi:

–Vì gì mà không?

Đáp:

–Vì không mà không.

Hỏi:

–Không, vì sao mà không?

Đáp:

–Vì không phân biệt.

Hỏi:

–Không mà có thể phân biệt được sao?

Đáp:

–Chính sự phân biệt cũng không.

Hỏi:

–Không, nên tìm thấy ở đâu?

Đáp:

–Nên tìm thấy ở trong sáu mươi hai kiến chấp.

Hỏi:

–Sáu mươi hai kiến chấp nên tìm thấy ở đâu?

Đáp:

–Nên tìm thấy trong sự giải thoát của Phật.

Hỏi:

–Sự giải thoát của Phật nên tìm thấy ở đâu?

Đáp:

–Nên tìm thấy trong tâm hành của chúng sinh.

Đại sĩ hỏi tại sao tôi không có người hầu, thì tất cả quân ma, ngoại đạo toàn là người hầu của tôi. Lý do là vì quân ma ưa thích sinh tử mà Bồ-tát thì không từ bỏ sinh tử, ngoại đạo ưa thích kiến chấp mà Bồ-tát thì không dao động vì kiến chấp.

Đại sĩ Văn-thù lại hỏi:

–Bệnh của trưởng giả có trạng huống gì?

Đáp:

–Bệnh tôi không có trạng huống, không thể thấy được.

Hỏi:

–Bệnh ấy chung với thân hay chung với tâm?

Đáp:

–Bệnh tôi không phải chung với thân, vì thực tánh của thân là tách rời, cũng không phải chung với tâm, vì tâm thì như huyễn ảo.

Hỏi:

–Trong bốn đại chủng, bệnh trưởng giả là đại chủng nào?

Đáp:

–Bệnh tôi không phải đại chủng đất, cũng không tách rời đại chủng đất; các đại chủng thủy, hỏa và phong cũng vậy. Nhưng bệnh của chúng sinh do bốn đại chủng mà có và vì chúng sinh bệnh nên tôi bệnh.

Lúc ấy, Đại sĩ Văn-thù hỏi Trưởng giả Duy-ma:

–Bồ-tát nên an ủi như thế nào đối với Bồ-tát có bệnh?

Trưởng giả thưa:

–Hãy nói thân vô thường mà đừng bảo chán bỏ thân. Nói thân khổ sở mà đừng bảo thích thú Niết-bàn. Nói thân vô ngã mà bảo giáo hóa hướng dẫn chúng sinh. Nói thân trống vắng mà đừng bảo vắng lặng hoàn toàn. Hãy khuyên sám hối tội cũ nhưng không nói tội thường còn, di chuyển theo thời gian. Khuyên do bệnh của mình mà thương bệnh người khác. Khuyên nên ý thức cái khổ nơi vô số kiếp quá khứ mà nghĩ

nhớ đến việc tạo lợi ích cho chúng sinh. Khuyên nhớ phước đã làm và nhớ cách sống trong sạch. Khuyên đừng lo rầu mà thường siêng tinh tấn. Khuyên nguyện làm thầy thuốc bậc nhất để chữa trị mọi bệnh. Bồ-tát nên khuyến khích như vậy cho Bồ-tát có bệnh, để Bồ-tát có bệnh được hoan hỷ.

Đại sĩ Văn-thù lại hỏi Trưởng giả Duy-ma:

–Bồ-tát có bệnh thì thuần hóa tâm mình như thế nào?

Trưởng giả thưa:

–Bồ-tát có bệnh nên nghĩ bệnh mình sinh ra từ phiền não điên đảo nơi đời trước, không phải có thật, thì ai là người theo bệnh. Tại sao như vậy? Vì bốn đại chủng hòa hợp thì có cái danh từ giả đặt gọi là thân, bốn đại chủng không có chủ thể thì thân cũng không có tự ngã. Lại nữa, bệnh đây là do chấp ngã, nên đừng có chấp ngã. Biết gốc bệnh rồi thì nên trừ khử ý tưởng ngã, ý tưởng chúng sinh, bằng cách khởi lên ý tưởng pháp. Nên nghĩ như vậy: Chỉ do các pháp hợp lại mà thành ra thân này, vậy sinh chỉ là pháp sinh, diệt chỉ là pháp diệt. Chính các pháp cũng không thông tin cho nhau, khi sinh không nói ta sinh, khi diệt không nói ta diệt. Bồ-tát có bệnh lại nghĩ như vậy để trừ bỏ ý tưởng về pháp: Ý tưởng về pháp cũng là điên đảo. Điên đảo là họa lớn, ta phải trừ bỏ. Trừ bỏ bằng cách nào? Phải tách rời ngã, ngã sở. Làm sao tách rời ngã, ngã sở? Phải tách rời nhị biên. Làm sao tách rời nhị biên? Phải thể hiện bình đẳng mà không nghĩ đây là các pháp ở trong, đây là các pháp ở ngoài. Thể hiện bình đẳng như thế nào? Là ngã bình đẳng, Niết-bàn cũng bình đẳng. Tại sao như vậy? Vì ngã với Niết-bàn cả hai đều là không. Vì gì mà không? Vì chỉ có danh từ. Cả hai pháp đều không có tự tánh quyết định: được bình đẳng như vậy thì không còn bệnh nữa, mà chỉ có cái bệnh về không. Nhưng cái bệnh về không cũng là không. Vậy là Bồ-tát có bệnh đem cái không chịu gì hết mà chịu mọi cảm giác. Chưa gồm đủ các pháp Phật thì cũng không hủy diệt cảm giác mà chọn lấy sự chứng đắc.

Nếu thân thể khổ sở thì nghĩ đến chúng sinh trong các đường dữ mà khởi lên tâm đại Bi, rằng mình thuần hóa thì cũng sẽ thuần hóa cho hết thảy chúng sinh và chỉ trừ khử bệnh chứ không trừ khử pháp. Vì đoạn tuyệt gốc bệnh mà giáo hóa, hướng dẫn chúng sinh. Gốc bệnh là gì? Là duyên dựa: duyên dựa là gốc bệnh. Duyên dựa vào gì? Duyên dựa vào ba cõi. Làm sao đoạn tuyệt duyên dựa? Hãy không thủ đắc: không thủ đắc thì không duyên dựa. Không thủ đắc là gì? Là siêu việt nhị biên. Nhị biên là gì? Là thấy trong thấy ngoài và toàn bộ là không thể thủ đắc. Đại sĩ Văn-thù! Như thế gọi là Bồ-tát có bệnh thuần hóa tâm mình, đoạn tuyệt những nỗi khổ, già, bệnh, chết bằng tuệ giác Bồ-đề của Bồ-tát. Nếu không được như vậy thì sự tu trì của Bồ-tát không có trí tuệ và lợi ích gì cả. Thắng kẻ thù mới là mạnh, đoạn tuyệt cả già, bệnh, chết mới gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát có bệnh lại nghĩ, bệnh mình không thật, không có, bệnh chúng sinh cũng không thật, không có. Khi xét như vậy mà đối với chúng sinh dấy lên tâm đại Bi ái kiến thì phải tức khắc xả bỏ. Tại sao? Do Bồ-tát vì trừ khử phiền não mà dấy lên đại Bi, còn đại Bi ái kiến thì đối với sinh tử có lòng chán mệt. Xả bỏ đại Bi ái kiến thì không bị ái kiến ngăn che. Sinh ra ở đâu cũng không bị ràng buộc, như thế mới có thể thuyết pháp mà cởi mở mọi trói buộc cho chúng sinh. Như Phật đã dạy, mình bị trói buộc mà cởi mở được trói buộc cho người thì vô lý, mình không bị trói buộc mà cởi mở được trói buộc cho người thì có lý. Do vậy, Bồ-tát không nên khởi lên sự trói buộc. Trói buộc là gì? Cởi mở là gì? Tham đắm mùi thiền là sự trói buộc của Bồ-tát, phương tiện mà sinh là sự cởi

mở của Bồ-tát. Thêm nữa, tuệ giác không phương tiện là trói buộc, tuệ giác có phương tiện là cởi mở, phương tiện không tuệ giác là trói buộc, phương tiện có tuệ giác là cởi mở. Tuệ giác không phương tiện là trói buộc, là thế nào? Là Bồ-tát do ái kiến mà làm sạch thế giới và làm nên chúng sinh, ở trong pháp không, vô tướng, vô tác và tự thuận hóa, như vậy gọi là tuệ giác không phương tiện là trói buộc. Tuệ giác có phương tiện là cởi mở, là thế nào? Là Bồ-tát không đem ái kiến mà làm sạch thế giới và làm nên chúng sinh, ở trong pháp không vô tướng, vô tác tự thuận hóa mà không chán mệt, như vậy gọi là tuệ giác có phương tiện là cởi mở. Phương tiện không tuệ giác là trói buộc, là thế nào? Là Bồ-tát ở nơi các phiền não, tham dục, sân hận và tà kiến... mà trông các gốc rễ công đức, như vậy gọi là phương tiện không tuệ giác là trói buộc. Phương tiện có tuệ giác là cởi mở, là thế nào? Là Bồ-tát rời bỏ các phiền não, tham dục, sân hận và tà kiến... mà trông các gốc rễ công đức, hồi hướng đến Bồ-đề vô thượng, như vậy gọi là phương tiện có tuệ giác là cởi mở. Đại sĩ Văn-thù! Bồ-tát có bệnh nên xét các pháp như vậy. Lại xét thân này là vô thường, khổ, không, vô ngã, đó là tuệ giác; dầu thân có bệnh mà thường ở trong sinh tử tạo lợi ích cho tất cả chứ không chán mệt, đó là phương tiện. Lại xét thân không rời bệnh, bệnh không rời thân, thân này bệnh này không cái nào mới không cái nào cũ, đó là tuệ giác; dù thân có bệnh mà không vĩnh viễn trụ nơi Niết-bàn, đó là phương tiện.

Đại sĩ Văn-thù! Bồ-tát có bệnh nên thuận hóa tâm mình như vậy mà không ở trong sự thuận hóa, cũng không ở trong sự không thuận hóa. Tại sao, vì ở trong sự không thuận hóa là phàm phu, ở trong sự thuận hóa là Thanh văn, do vậy, Bồ-tát không ở trong sự thuận hóa, không ở trong sự không thuận hóa, tách rời nhị biên ấy là hạnh của Bồ-tát. Ở trong sinh tử mà không ô nhiễm, ở trong Niết-bàn mà không vĩnh diệt, ấy là hạnh của Bồ-tát. Không phải làm như phàm phu, không phải làm như Hiền thánh, ấy là hạnh của Bồ-tát. Không phải việc làm dơ bẩn, không phải việc làm trong sạch, ấy là hạnh của Bồ-tát. Tuy đã vượt quá quân ma mà vẫn thị hiện chiến thắng quân ma, ấy là hạnh của Bồ-tát. Cầu trí toàn giác mà không cầu kết quả chưa đến lúc, ấy là hạnh của Bồ-tát. Quán sát các pháp không sinh mà không nhập vào chính vị, ấy là hạnh của Bồ-tát. Quán sát mười hai duyên khởi mà nhập vào tà kiến, ấy là hạnh của Bồ-tát. Thu nhận chúng sinh mà không ái chấp, ấy là hạnh của Bồ-tát. Thích thú xa rời mà không diệt tận tâm, ấy là hạnh của Bồ-tát. Đi trong ba cõi mà không làm hồng pháp tánh, ấy là hạnh của Bồ-tát. Đi trong không mà trông các gốc rễ công đức, ấy là hạnh của Bồ-tát. Đi trong vô tướng mà hóa độ chúng sinh, ấy là hạnh của Bồ-tát. Đi trong vô tác mà thị hiện thọ thân, ấy là hạnh của Bồ-tát. Đi trong sự dấy lên mà dấy khởi hạnh thiện, ấy là hạnh của Bồ-tát. Đi trong sáu Độ mà biết khắp tâm, tâm sở của chúng sinh, ấy là hạnh của Bồ-tát. Đi trong sáu Thông mà không diệt tận phiền não, ấy là hạnh của Bồ-tát. Đi trong bốn Tâm vô lượng mà không ham sinh Phạm thiên, ấy là hạnh của Bồ-tát. Đi trong thiền định giải thoát và Tam-muội mà không thọ sinh theo thiền định, ấy là hạnh của Bồ-tát. Đi trong bốn Niệm xứ mà không vĩnh viễn lìa thân thọ tâm pháp, ấy là hạnh của Bồ-tát. Đi trong bốn Chánh cần mà không xả bỏ thân tâm tinh tấn, ấy là hạnh của Bồ-tát. Đi trong bốn Thần túc mà đã được thần thông tự tại, ấy là hạnh của Bồ-tát. Đi trong năm Căn mà biết rõ các căn lanh chậm của chúng sinh, ấy là hạnh của Bồ-tát. Đi trong năm Lực mà thích cầu mười Lực của Phật, ấy là hạnh của Bồ-tát. Đi trong bảy Giác chi mà phân biệt tuệ giác của Phật, ấy là hạnh của Bồ-tát. Đi trong tám Chánh đạo mà thích đi theo Phật đạo vô lượng, ấy là hạnh của Bồ-tát. Đi trong Chỉ và Quán là

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

những pháp hỗ trợ cho tuệ giác mà không tuyệt đối sa vào tịch diệt, ấy là hạnh của Bồ-tát. Đi trong sự không sinh không diệt của các pháp mà trang nghiêm thân thể bằng các tướng hảo, ấy là hạnh của Bồ-tát. Hiện ra cử động của Thanh văn, Duyên giác mà không rời bỏ các pháp của Phật-đà, ấy là hạnh của Bồ-tát. Tùy thuận sự trong sạch rốt ráo của các pháp, theo chỗ thích ứng để biến hiện thân mình, ấy là hạnh của Bồ-tát. Quán các quốc độ hoàn toàn tịch tĩnh như hư không mà biến hiện mọi thứ tịnh độ, ấy là hạnh của Bồ-tát. Được Phật tuệ, chuyển pháp luân, nhập Niết-bàn, mà không rời bỏ đường đi của Bồ-tát, ấy là hạnh của Bồ-tát.

Khi Trưởng giả Duy-ma nói như vậy, thì trong số đại chúng đi theo Đại sĩ Văn-thù có tám ngàn trời, người cùng phát tâm Bồ-đề vô thượng.